

## NGŨ ĐIỀU TIẾNG ANH Ở NGƯỜI VIỆT

Nguyễn Huy Kỳ<sup>(\*)</sup>

### 1. Đặt vấn đề

Vấn biết rằng muốn nắm vững và sử dụng tốt một ngoại ngữ nào đó, ngoài việc phải có kiến thức ngôn ngữ, thể hiện tốt các kỹ năng ngôn ngữ như kỹ thuật viết, khả năng đọc hiểu, thì người học phải có khả năng diễn đạt nói và lĩnh hội thông tin qua nghe hiểu. Đặc biệt, khả năng nói càng giống với người bản ngữ thì càng được đánh giá cao, mặc dù qua nghiên cứu lý thuyết và thực tế sử dụng ngôn ngữ, chúng tôi nhận thấy rằng đây là một vấn đề không đơn giản.

Xuất phát từ ý tưởng như vậy, chúng tôi đã dành thời gian, công sức cho việc nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt với hi vọng giúp ích phần nào cho người Việt nói tiếng Anh được tốt hơn và góp phần nhỏ bé vào lĩnh vực nghiên cứu Ngữ điệu tiếng Anh đối với người Việt nói tiếng Anh.

Nói cụ thể hơn, tác giả bài viết này muốn dành nhiều trang viết hơn vào việc tập trung nghiên cứu các mẫu hình ngữ điệu (MHND) (Intonation forms / patterns) tiếng Anh ở người Việt và những cách dùng của chúng thông qua các tình huống, chu cảnh cụ thể.

Để có cơ sở khoa học và các thông số cụ thể hơn về Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt, chúng tôi thấy cần thiết phải nêu vấn đề nhưng rất cơ bản những vấn

đề tương tự về Ngữ điệu tiếng Anh ở người Anh (cụ thể là người Luân Đôn). Điều này cũng phần nào thể hiện quan niệm và quan điểm nghiên cứu khoa học của chúng tôi.

### 2. Một số khái niệm cơ bản có liên quan

#### 2.1. Chuyển dịch cao độ (Pitch movement)

Theo O' Grady, Dobrovolsky, Katamba [17: 46] thì "*Chuyển dịch cao độ trong phát ngôn (PN) không liên quan đến các sự khác biệt về nghĩa của từ thì được gọi là ngữ điệu*". Lấy từ *teacher* (giáo viên) làm ví dụ: Cho dù từ này được phát âm với giọng lên hay xuống thì vẫn không gây nên sự khác biệt về nghĩa của nó. Tuy nhiên, ngữ điệu lên hay ngữ điệu xuống trong trường hợp này đã lần lượt làm cho PN trở nên chưa hoàn thành hay hoàn thành, nói cách khác, làm cho PN trở thành nghi vấn hay trần thuật.

#### 2.2. Trọng âm từ (word stress)

Chúng tôi quan niệm trọng âm từ là xuất phát điểm của việc nghiên cứu nhịp điệu và ngữ điệu tiếng Anh bởi lẽ trong tiếng Anh có nhiều từ đa tiết, mỗi từ có một âm tiết (A.T) mang trọng âm [12,] [13]. Nếu không xác định được trọng âm từ thì ngoài việc gây ảnh hưởng đến nghĩa từ vựng trong giao tiếp, làm cho người tiếp thụ PN khó hiểu (vì không biết nhấn thông tin ở đơn vị từ vựng nào), còn gây khó khăn, khó hiểu, khó

(\*) TS., Phó ng Qu' lý Khoa h'c & Sèi ngo' i, Tr-êng Cao ®¼ng S- ph' m H'p Néi.

thể hiện cho chính chủ thể PN trong việc thể hiện ngữ điệu vì không biết ngữ điệu lên, xuống...từ A.T nào).

### 2.3. Đơn vị ngữ điệu (Intonation unit)

Đơn vị ngữ điệu (ĐVNĐ) là một khúc đoạn của lời nói và bao giờ cũng phải có ý nghĩa thông báo nhất định [7], [13], [14].

- *Về hình thức*: Đó là đơn vị có ranh giới |A|, trong đó bao giờ cũng có 1 A.T của một từ nào đó được phát âm nổi trội nhất (gọi là hạt nhân). Trường hợp đặc biệt, ta có 1 ĐVNĐ tối giản - chỉ có duy nhất hạt nhân. Dựa vào A.T ấy, chủ thể PN có thể lên giọng, xuống giọng hoặc kết hợp lên giọng-xuống giọng, xuống giọng-lên giọng để nhằm diễn đạt một ý nghĩa nào đó. Để cho tiện và đơn giản, chúng tôi chỉ dùng kí hiệu      để chỉ 1 ĐVNĐ. Nếu trường hợp có từ 2 ĐVNĐ trở lên, chúng tôi dùng kí hiệu           hoặc 

--	--

- *Ý nghĩa thông báo*: Đã là ĐVNĐ-dù là ĐVNĐ tối giản-thì cũng phải mang ý nghĩa thông báo nhất định, dù là ý nghĩa thông báo tối thiểu như “Yes” (vâng).

### 2.4. Nhịp điệu (Rhythm)

Trong ngôn ngữ Anh, nhịp điệu [12] được tạo bởi những đơn vị nhỏ hơn đi liền nhau theo một khoảng thời gian tương đối đều nhau giữa những đơn vị nhỏ hơn ấy. Trung tâm của mỗi đơn vị như vậy là 1 A.T có trọng âm. Mỗi đơn vị như thế được gọi là một *đơn vị nhịp điệu* (ĐVNĐ) (*Rhythm unit*, theo cách gọi của O' Connor [16]; hoặc *Rhythm group*, theo cách gọi của Cruttenden [7]; hoặc *Foot*, theo cách gọi của Halliday [9]), ví dụ:

*I'm interested in films.*

ĐVNĐ 1 ≈ ĐVNĐ 2

(Tôi quan tâm đến điện ảnh.)

### 2.5. Chỗ ngưng nghỉ (Pause)

Có hai loại ngưng nghỉ: *ngưng nghỉ thuần túy* (yên lặng) (unfilled pause) và *ngưng nghỉ không thuần túy* (có chêm xen các kiểu âm như /m, ə /...) (filled pause) [14]. Ngưng nghỉ có ảnh hưởng đến truyền đạt thông tin. Ngoài việc hoà nhập cùng ngữ điệu hành chức, ngưng nghỉ có thể được sử dụng như một trong các tiêu chí xác định ranh giới ĐVNĐ.

### 2.6. Tốc độ (Speed)

Tốc độ của lời nói cũng quan trọng trong ngữ điệu nhưng ít trực tiếp tạo ra giá trị thông báo bởi lẽ nhiều khi chính tốc độ đã bị *nhòa* hoặc *lấn* với các đặc trưng ngôn điệu khác [5], [8], [14]. Nhiều khi, do thói quen, cũng có người nói nhanh, người nói chậm. Nhưng cũng có người nói nhanh do chủ ý muốn diễn đạt sự phấn khích hoặc thiếu kiên nhẫn...(đặc trưng này thường hay có trong bình luận bóng đá, đua ngựa...), hoặc nói chậm do chủ ý diễn đạt nỗi buồn... (đặc trưng này hay có trong lúc đọc tin buồn...).

Có thể còn một số cơ sở và đặc trưng nào đó nữa có liên quan, song theo quan niệm và quan điểm khoa học của chúng tôi thì nội dung trong các tiểu mục từ 2.1 → 2.6 là rất quan trọng, cần yếu... liên quan trực tiếp đến ngữ điệu tiếng Anh. Những biểu hiện khác như chất lượng thanh tính của giọng nói (voice quality), độ trôi chảy trong khi nói... chỉ là những điều kiện bên ngoài để trên đó xuất hiện ngữ điệu.

### 3. Một số tiêu chí cơ bản để lựa chọn các MHND tiếng Anh ở người Việt

- Có tính phổ biến và khái quát cao trong cộng đồng người Việt nói tiếng Anh tại Việt Nam, nhưng phải được người Anh nói tiếng Anh thừa nhận.

- Có cấu trúc tương đối rõ ràng, chặt chẽ, nhưng dễ được thể hiện bằng đồ hình và khẩu ngữ.

- Có tính hệ thống để tiện nghiên cứu, giảng dạy, nhưng phải tương đối phù hợp với hệ thống ngữ điệu Anh chuẩn (ngữ điệu Anh ở người Anh, chúng tôi quan niệm là ngữ điệu Anh Anh).

- Có khả năng được sử dụng để diễn đạt ý nghĩa, giao tiếp một cách hiệu quả trong các tình huống, cụ thể.

### 4. Quan niệm và cách tiếp cận [13] [14]

Ngoài việc nghiên cứu lí thuyết, chúng tôi còn dựa vào kết quả khảo sát sơ phạm, điều tra điền dã để xác định các MHND tiếng Anh ở người Việt và những cách dùng của chúng trong từng tình huống giao tiếp. Tác giả đã lựa chọn 610 tư liệu viên (TLV) để trả lời bằng phiếu các nội dung có liên quan đã được thiết kế, trong đó có 20 TLV được sử dụng để thể hiện các ngôn bản tin (NBT) (gồm có 1 ngôn bản hội thoại (NBHT) có chuẩn bị (trừ 1 NBHT không chuẩn bị trước do thu băng trực tiếp), 4 NBT và 1 PN (qua 7 lần đọc cho mỗi TLV)).

Tác giả bài viết đã mời một chuyên gia người Luân Đôn, Vương quốc Anh đọc thể hiện tất cả các NBT và coi đó là chuẩn để chúng tôi căn cứ vào đó nghiên cứu, phân tích, nhận xét, khái quát hoá cách thể hiện ngữ điệu tiếng Anh của các TLV người Việt.

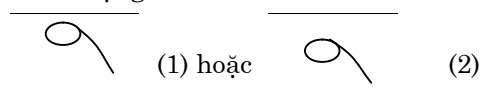
Chúng tôi bắt đầu từ ĐVNĐ để tiếp cận và nghiên cứu ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt. Mỗi ĐVNĐ được khái quát theo 1 MHND nhất định và phù hợp với tiêu chí đã nêu ở mục 3. Trong mỗi MHND, chúng tôi quan tâm nhiều đến điểm bắt đầu, kết thúc và chuyển dịch của đường nét ngữ điệu (ĐNNĐ) (intonation contour) bắt đầu từ hạt nhân (được hiểu tương đương như trọng âm nổi trội) vì cho rằng điều này liên quan đến biểu đạt ngữ nghĩa và hành chức của ngữ điệu tiếng Anh.

### 5. Các MHND tiếng Anh ở người Việt [7], [13], [14], [16]

Sau khi nghiên cứu kỹ mọi vấn đề có liên qua, chúng tôi thấy rằng người Việt nói tiếng Anh chỉ sử dụng các MHND cơ bản dưới đây:

#### 5.1. MHND xuống (Fall / Falling)

- *Dạng thức:*



- *Miêu tả:* MHND xuống bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ tương đối cao như trong (1) hoặc từ hạt nhân ở cao độ trung bình (TB) như trong (2), rồi đi xuống và kết thúc ĐNNĐ ở cao độ hơi thấp. Kết quả khảo sát của chúng tôi (75%) cho thấy người Việt nói tiếng Anh có xu hướng dùng (1) khi thể hiện MHND xuống.

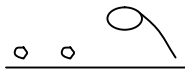
- *Chức năng:* Nét phổ quát của MHND xuống là thể hiện sự hoàn thành, kết thúc, xác định... với những mức độ sắc thái đi kèm như quan tâm, phẫn khích, lôi cuốn (như MHND xuống (1), hoặc sự lãnh đạm, không phẫn khích, vô

cảm (như MHNĐ xuống (2), từ phía chủ thể PN.

1) MHNĐ xuống thường được sử dụng để diễn đạt sự hoàn thành, kết thúc hoặc xác định trong PN trần thuật, ví dụ:

**Tình huống 1:** Hoa không học bài nên bị điểm kém, giáo viên chủ nhiệm gửi giấy thông báo về gia đình. Bố Hoa đã xem, rất buồn, không nói một câu nào. Hôm sau, gặp Hoa đang uể oải bước đến trường, Liên hỏi thăm Hoa về chuyện ấy và muốn biết xem bố Hoa cảm thấy thế nào, có giận không? Hoa ậm à ậm ừ trả lời:

He was `sad.

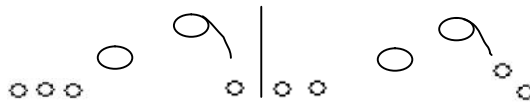


(Ông ta buồn.)

2) Ngữ điệu xuống được dùng trong PN nghi vấn dạng ngắn để đáp lại thông tin trước đó như “*Did they?*” (Thế á), “*Has he?*” (Vậy ư?) nhưng phải chú ý sử dụng đúng thì và loại động từ cho phù hợp, ví dụ:

**Tình huống 2:** Khôi và Khánh đang thưởng thức một ca khúc có giai điệu tuyệt vời trong chương trình “Sao mai điểm hẹn” phát trên VTV3. Mắt lim dim, người dung đưa theo giai điệu bài hát, Khánh bần thần rồi nhẹ nhàng hỏi Khôi xem anh ta là ca sĩ nào mà hát hay và có chất giọng tuyệt vời như thế! Khôi nhoẻn miệng cười đáp lại:

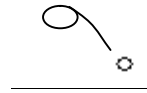
He is a good `student and can play `badminton.



(Anh ta là sinh viên tốt và có khả năng chơi cầu lông.)

**Khôi:** *He is a famous student.* (Anh ta là sinh viên nổi tiếng.)

**Khánh:** `Is he?



(Thế á? / Vậy ư?) (Đáp lại ý “He ... student”.)

3) Ngữ điệu này được dùng trong PN cảm thán bắt đầu bằng “*What*” + Danh từ / danh ngữ và “*How*” + tính từ / trạng từ để bộc lộ cảm xúc của chủ thể PN, ví dụ:

**Tình huống 3:** Trong quá cà phê bên hồ, đang nhâm nhi li cà phê Ban Mê thì bỗng nhiên Tùng sững người buông một câu sung sướng khiến Hưng đưa mắt nhìn theo:

*What a `pretty girl!*



(Thật là một cô gái xinh đẹp!)

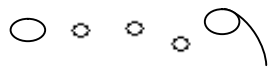
4) MHNĐ xuống thường được sử dụng trong các mệnh đề kết hợp (như trong câu ghép) để diễn đạt 2 hành động hoặc sự việc phân biệt, ngoài sự thể hiện ranh giới của mỗi ĐVNĐ, ví dụ:

**Tình huống 4:** Trinh, một cô bạn xinh xắn, thông minh và rất thích chơi cầu lông, sáng nay đến sinh hoạt ở Câu lạc bộ thể thao trường tôi. Trinh đã để ý thấy một chàng sinh viên khá điển trai. Trinh quay sang hỏi tôi về anh ta vì biết tôi đã tham gia ở đây lâu rồi. Tôi đã nói cho Trinh một thông tin về anh khiến Trinh rất thích:

5) Ngữ điệu này luôn được dùng trong PN nghi vấn có từ để hỏi hay còn gọi là PN đặc biệt (Wh-questions), ví dụ:

**Tình huống 5:** Mãi đến tận 10h vẫn chưa thấy Linh đến như đã hẹn hoặc gọi điện lại, Hương rất sốt ruột, cứ đi ra đi vào để ngóng. Chợt thấy Linh, Hưng liền chạy ra cửa và hỏi:

*Why were you so late?*



(Sao bạn lại muộn vậy / như thế?)

6) Loại MHNĐ này cũng hay được sử dụng trong phần đuôi (tag) của PN láy đuôi nhằm kiểm tra lại thông tin mà chủ thể PN cho là cần thiết (chẳng hạn trong phỏng vấn xin việc làm), hoặc chủ thể PN muốn người tiếp thụ PN đồng ý, ví dụ:

**Tình huống 6:** Đường như để kiểm tra cho chắc chắn xem Tuấn có đúng 40 tuổi không, vị Giám đốc một cơ quan đang cần tuyển người hỏi đương sự:

*You are forty, aren't you?*



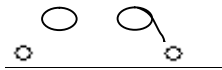
(Anh 40 tuổi, đúng không?) (ý kiểm tra lại thông tin.)

7) MHNĐ xuống được dùng trong PN trần thuật để diễn đạt sự hoàn thành, xác định những việc vô cảm, không quan tâm hoặc tỏ ra thờ ơ, lãnh đạm. Trong trường hợp này, chủ thể PN thường xuống giọng từ hạt nhân ở cao độ TB, ví dụ:

**Tình huống 7:** Một hôm sau một ngày học dài, và lại càng mệt mỏi hơn khi nghe một nhân viên Trung tâm

Ngoại ngữ nọ thao thao bất tuyệt về những lợi ích khi học tiếng Tây Ban Nha, Tùng đã buông gọn lỏn một câu:

*I learnt Spanish.*

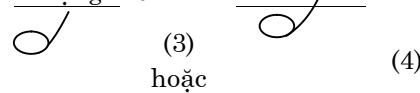


(Tôi đã học tiếng Tây Ban Nha rồi) (ý thờ ơ, không quan tâm.)

Nếu muốn thể hiện MHNĐ xuống với cách dùng trong tình huống cụ thể như trên thì chủ thể PN phải bắt đầu ĐVNĐ ấy bằng tông giọng TB hơi thấp (so với giọng nói tự nhiên của chính mình).

## 5.2. MHNĐ lên (Rise / Rising)

- **Dạng thức:**



- **Miêu tả:** MHNĐ lên bao giờ cũng dựa vào và bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ hơi thấp hoặc TB, sau đó đi lên rồi kết thúc ĐNNĐ ở cao độ tương đối cao (so với giọng nói tự nhiên của chủ thể PN) như trong (3) hoặc (4). Vì không có sự phân biệt, cảm nhận hoặc không có ý thức về sự khác biệt giữa (3) và (4) nên người Việt nói tiếng Anh đã *đập nhập* (3) và (4) thành MHNĐ lên. Chúng tôi coi đây là chuẩn thực tế mà bất cứ ngôn ngữ nào cũng có.

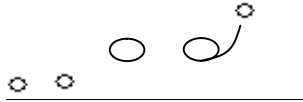
- **Chức năng:** Một trong những nét phổ quát mà người Việt nói tiếng Anh cảm nhận được khi dùng MHNĐ lên là tính ngẫu nhiên và phi kết thúc của nó.

8) Thông thường MHNĐ lên được dùng một cách ngẫu nhiên trong PN nghi vấn có / không (hoặc PN nghi vấn

chung / dạng đảo) (Yes / No questions) để yêu cầu người tiếp thu PN trả lời có / không, ví dụ:

**Tình huống 8:** Hôm nay thứ bảy, Trung ở nhà xem ti vi với con trai út. Đang chăm chú theo dõi trận bóng bàn giữa vận động viên Việt Nam Đoàn Kiến Quốc và một vận động viên Thái Lan thì Thân đến chơi. Thấy vậy, Thân hỏi Trung:

Can you play 'pingpong?



(Bạn có thể chơi được bóng bàn không?) (ý hỏi ngẫu nhiên).

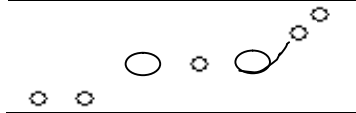
9) Ngữ điệu này hay được sử dụng trong PN nghi vấn nhằm lặp lại ý trong PN trước đó hoặc nhắc lại PN nghi vấn của chủ thể PN nào đó, ví dụ:

**Tình huống 9:** Trong phòng tập của một Đoàn nghệ thuật tỉnh B, diễn viên múa Hà Anh giới thiệu với tổng đạo diễn Khánh Khôi rằng nghệ sĩ ghi ta Vũ Văn còn có khả năng chơi dương cầm, nhưng tổng đạo diễn không tin vì chưa bao giờ được tận mắt chứng kiến điều đó:

**Hà Anh:** He can play the piano.

(Anh ta có khả năng chơi dương cầm.)

**Khánh Khôi:** He can play the 'piano?



(Anh ta có khả năng chơi dương cầm ư?) / Thế à?)

10) MHNĐ lên thường được dùng trong phần láy đuôi của PN nghi vấn láy đuôi nhằm mục đích hỏi (tương đương

như PN nghi vấn có/không). Phần láy đuôi có thể bao gồm dạng phủ định hoặc khẳng định vì còn phụ thuộc vào mệnh đề ngay trước nó, được tách biệt bởi dấu phẩy. Nếu phần trước dấu phẩy là khẳng định thì phần sau dấu phẩy (phần láy đuôi) bao giờ cũng là phủ định, và ngược lại. Phần trước dấu phẩy luôn xuôi ngữ và phần sau dấu phẩy luôn ngược ngữ. Một điều cần lưu ý là thì của động từ và loại động từ phải luôn phù hợp giữa mệnh đề trước dấu phẩy và phần láy đuôi, ví dụ:

**Tình huống 10:** Trong buổi liên hoan gặp mặt tại nhà hàng “Chân quê” ở thành phố biển Vũng Tàu, Vân được nghe giọng hát quan họ rất hay của ca sĩ Thu Thủy. Vân đoán rằng Thu Thủy là người Bắc Ninh. Vì vậy, sau khi trình bày xong ca khúc trữ tình ấy, Vân tặng hoa và hỏi ca sĩ:

You're from Bắc Ninh, 'aren't you?

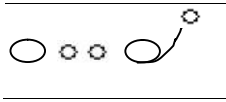


(Bạn đến từ Bắc Ninh, có phải không?)

11) Ngữ điệu lên thường được sử dụng trong các trạng ngữ hoặc danh ngữ ở vị trí đầu PN nhằm xác định rõ hơn ranh giới các ĐVNĐ, giúp cho chủ thể và người tiếp thu PN dễ dàng phát và thu thông tin chứa đựng trong PN ấy, ví dụ:

**Tình huống 11:** Chiều hôm qua, Tường bị triệu đến Công an phường Vĩnh Tuy để trả lời chất vấn vì bị nghi là kẻ ăn trộm. Trưởng Công an Phường hỏi Tường sáng hôm qua đã làm gì, Tường trả lời:

*Yesterday'morning, I played football.*

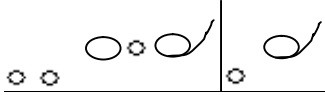


(Sáng hôm qua, tôi đá bóng).

12) MHND này rất phổ biến nếu chủ thể PN muốn liệt kê thông tin. Trong trường hợp này, ngữ điệu lên được sử dụng trước các từ được liệt kê và chỉ xuống giọng trước từ cuối cùng của PN liệt kê thông tin ấy, ví dụ:

**Tình huống 12:** Sau khi ăn sáng xong, Tuyết sang nhà Hằng nói chuyện phiếm. Tuyết muốn giới thiệu cho Hằng một người đồng nghiệp của mình. Để chứng minh cho Hằng thấy người đồng nghiệp ấy khá giả như thế nào, Tuyết nói:

*He has got a' flat, a' house and a villa.*



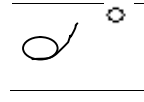
(Anh ta có một căn hộ, một ngôi nhà và một biệt thự.)

(Chú ý: Thường có sự ngừng nghỉ không chêm xen sau mỗi ĐVNĐ, không kể ĐVNĐ cuối cùng trong PN trên).

13) Ngữ điệu lên hay được dùng trong PN chào hỏi (greetings), chào tạm biệt (thường người chào trước hay dùng) và cảm ơn (cho lịch sự chứ không phải hàm ơn vì đó là điều đương nhiên, chẳng hạn như người bán vé nói với hành khách khi họ trả tiền mua vé..), ví dụ:

**Tình huống 13:** Sáng nay, khi lên xe buýt, vì không mang theo vé tháng nên tôi phải mua vé ngày. Khi tôi trả tiền, người bán vé đưa vé cho tôi và nói:

*'Thank you*



(Cảm ơn) (Theo phép lịch sự chứ không phải hàm ơn)

### 5.3. MHND TB - ngang (Mid - Level)

- Dạng thức:



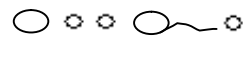
- *Miêu tả:* Chuyển động ban đầu của MHND TB - ngang bao giờ cũng từ hạt nhân ở cao độ TB, sau đó diễn tiến theo chiều ngang và kết thúc ở cao độ TB. Điều đặc trưng của MHND này là diễn tiến theo chiều ngang. Do đó, nếu trước hạt nhân có (các) AT nào đó (cho dù có hoặc không có trọng âm, nhưng thuộc về cùng ĐVNĐ với hạt nhân ấy) thì nó / chúng đều ở cùng cao độ với hạt nhân. Vì vậy, ngữ điệu này được gọi là ngữ điệu TB - ngang (xem 5)

- *Chức năng:* Nhìn chung, MHND TB - ngang hay được dùng ở vị trí phi kết thúc để diễn đạt ý mỉa mai, châm chích, hoặc nhàm chán.

14) Ngữ điệu này thường được sử dụng để thể hiện sự nhàm chán, mỉa mai, châm chích, ví dụ:

**Tình huống 14:** Đa số cho rằng đó là cuốn tiểu thuyết khá hấp dẫn, riêng Ngân thì lại khác. Cô cười khểnh, nói với vẻ lấp lửng, tỉnh khô:

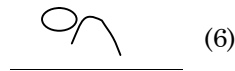
*That is a > novel.*

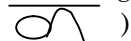


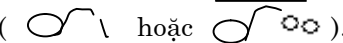
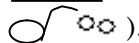
(Thế mà cũng gọi là tiểu thuyết. / Tiểu thuyết kiểu gì mà như thế) (ý mỉa mai, châm chích)

**5.4. MHNĐ lên - xuống** (Rise/Rising - Fall / Falling)

- Dạng thức:



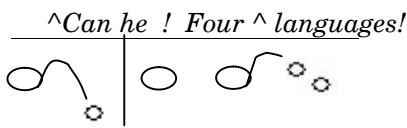
- Miêu tả: Ngữ điệu này bao giờ cũng dựa vào và bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ TB hoặc dưới TB một chút, sau đó đi lên tương đối cao, rồi đi xuống và kết thúc ở cao độ tương đối thấp (xem 6). MHNĐ lên - xuống chính là sự kết hợp của ngữ điệu lên và ngữ điệu xuống ngay trong cùng 1 ĐVNĐ. ĐNNĐ lên - xuống có thể liên nét (unseparated) (  )

và cũng có thể không liên nét (separated) (  hoặc  ).

- Chức năng: Cách dùng phổ quát của MHNĐ này là diễn đạt và thể hiện sự kết thúc, xác định, hoàn thành.

15) Ngữ điệu này thường được dùng để thể hiện ấn tượng của chủ thể PN trước một thực tế khách quan trong một chu cảnh nhất định, ví dụ:

**Tình huống 15:** Thắng và tôi đang nhâm nhi cà phê trong một khách sạn bên hồ. Thật tình cờ, chúng tôi thoáng được nghe một thông tin trên truyền hình về một kĩ sư tài giỏi, người có thể nói thành thạo 4 thứ tiếng. Thắng ngạc nhiên nói:



(Thế cơ à ! Những 4 ngoại ngữ !) (Về

đây ấn tượng)

(Chú ý: ĐNNĐ trong “Can he!” là ĐNNĐ liên, còn ĐNNĐ trong “Four languages!” là ĐNNĐ không liên).

16) MHNĐ lên - xuống cũng được sử dụng để thể hiện chuyện ngời lê đôi mách nếu đi kèm với nó là giọng nói kèm theo hơi thở, ví dụ:

**Tình huống 16:** Trưa nắng như đổ lửa, trên đường đi làm về, đến đầu ngã tư tôi liền tạt vào quán uống nước cho đỡ khát. Ngồi cạnh bàn tôi là một vài cô gái trẻ đang nói chuyện phiếm. Bỗng nhiên một phụ nữ đứng tuổi đi qua, các cô gái trẻ nhao nhao nói:

She's ^ pregnant!



(Bà ta có bầu đấy!) (chuyện ngời lê đôi mách).

17) MHNĐ này còn được sử dụng để diễn đạt sự thách thức, yêu cầu cao hoặc thử thách khả năng của đối tượng nào đó trước thực tế khách quan trong tình huống hoặc chu cảnh nhất định, ví dụ:

**Tình huống 17:** Trong cuộc thi điền kinh cấp tỉnh, Thành phố, nhiều vận động viên chạy 200m nam tỏ ra có năng lực nhưng không vượt qua kỉ lục đã được xác lập của Khôi. Biết được khả năng thực tế của Khánh và để động viên toàn đội thi đấu tích cực hơn, huấn luyện viên Nam nói rằng:

He can ^ do it .



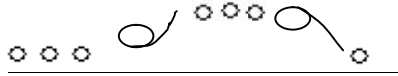


(Cậu ấy có khả năng làm được đó). (ý thử thách, yêu cầu cao và động viên người / những người tiếp nhận thông tin về vấn đề cả 2 phía cùng quan tâm.)(thường ở lời đáp (responses).

18) Ngữ điệu này cũng được dùng để thể hiện sự lựa chọn trong PN, ví dụ:

**Tình huống 18:** Trong một cửa hàng hoa quả, lúc đang chọn lựa vài quả quýt thì Trang nhìn thấy một loại trái cây lạ ở bên cạnh giỏ quýt. Loại quả này có vỏ màu xanh bóng và mọng như quả chanh nhưng lại to gần bằng quả cam bình thường. Phân vân một lát, Trang hỏi người bán hàng:

*Is this a 'lemon or an `orange?*



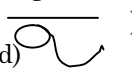

(Đây là quả chanh hay quả cam?)



### 5.5. MHNĐ xuống - lên (Fall / Falling - Rise / Rising)

- Dạng thức:



(7)

- *Miêu tả:* Đây là loại ngữ điệu kết hợp giữa ngữ điệu xuống và ngữ điệu lên theo quy luật của nó. Điểm bắt đầu của ngữ điệu này bao giờ cũng dựa vào hạt nhân ở cao độ trên TB một chút, sau đó đi xuống đến cao độ tương đối thấp rồi lại đi lên và kết thúc ở cao độ TB hoặc trên TB (xem 7). Ngữ điệu xuống - lên có thể liên nét (unseparated) (  ) hoặc không liên nét (separated) (  )

(  hoặc  ).

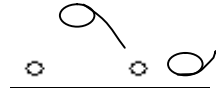
- *Chức năng:* Cách dùng có tính phổ quát của MHNĐ xuống - lên là diễn đạt những thông tin, cảm xúc như không

chắc chắn, nghi ngờ hoặc ước thử, thăm dò, cảnh báo, hoặc động viên...

19) MHNĐ này thường được dùng trong PN trần thuật chưa hoàn thành nhưng có xu hướng dẫn đến một PN tiềm ẩn liền sau đó để hoàn thành thông tin của chủ thể PN, cho dù còn chưa chắc chắn, ví dụ:

**Tình huống 19:** Trong bếp, Minh đang xếp vài lon bia và nước hoa quả vào khay để Hưng mang ra phòng khách mời bạn, trong đó có Khôi, một người bạn thân của Hưng nhưng đã lâu rồi không gặp. Đang chuẩn bị nhấc khay lên, Hưng nghe thấy giọng ai quen quen. Dường như đó là giọng của Khôi, Hưng quay sang nói với Minh:

*I `heard his voice (and could recognise him).*



(Tôi nghe thấy giọng nói của anh ấy (và có thể nhận ra ngay.))

20) Ngữ điệu xuống - lên thường được dùng trong PN trần thuật để diễn đạt sự e ngại, dè dặt của chủ thể PN. Liền sau MHNĐ này, chủ thể PN có thể dùng ý tiềm ẩn “*nhưng (mà) tôi / bạn phải công nhận / chấp nhận*”, ví dụ:

**Tình huống 20:** Trang là bạn thân của Long - một người rất hoạt bát nhưng chưa chăm học và không có tính kỉ luật cao. Một hôm, trong lúc đi mua sắm với Hoa - người bạn gái thân nhất của Trang - Trang nói về chuyện học tập của Long, khen Long học giỏi môn tiếng Anh vì Trang và Long học chung lớp, chung trường. Nghe mãi, thì bực mình, Hoa nói:

*He is `good at English (but I must admit).*



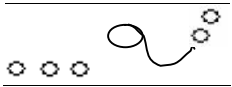
(Anh ta giỏi tiếng Anh) thể hiện sự e dè) (nhưng tôi đành phải công nhận vậy).

21) MHNĐ xuống - lên cũng thường được sử dụng trong PN trần thuật để sửa lại thông tin cho đúng với thực tế khách quan, ví dụ:

**Tình huống 21:** Nguyệt và Liên đang trên đường ra nhà để xe sau giờ tan học. Hai cô nhìn thấy một người đang xách cặp đi vào nhà để xe của giáo viên. Trông anh ta hơi lạ. Thấy vậy, Nguyệt trao đổi với Liên:

**Nguyệt:** He's a lecturer. (Anh ấy là giảng viên.)

**Liên:** He is a<sup>v</sup> lecturer.

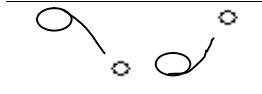


(Tôi không tin anh ấy là giảng viên) (có thể anh ta là phóng viên hoặc thông tin viên ...) (ý muốn sửa lại thông tin cho đúng với thực tế).

22) Dùng ngữ điệu xuống - lên để làm cho PN mệnh lệnh nhẹ nhàng hơn, nghe như một lời đề nghị nài nỉ, ví dụ:

**Tình huống 22:** Đã 9h30 tối. Thảo đang nằm trên giường đọc báo. Cô cảm thấy gió lùa qua cửa sổ hơi lạnh nhưng lại ngại ngồi dậy đóng cửa. Đúng lúc đó, Nguyên- cô bạn cùng phòng- đang lấy nước uống ở bàn gần cửa sổ. Thảo nhẹ nhàng nói với Nguyên:

*Close the window.*

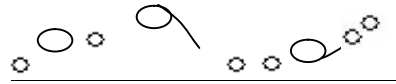


(Nhờ bạn đóng giúp cửa sổ lại.)

23) Ngữ điệu xuống - lên cũng thường được dùng trong trường hợp nếu PN có 2 phần trong đó phần một quan trọng hơn phần hai về nghĩa, ví dụ:

**Tình huống 23:** Đức sang chơi nhà Khôi vào tối thứ bảy nhưng cả nhà Khôi đều đi vắng. Đến thứ hai, Đức gặp Khôi ở cơ quan và hỏi thăm tình hình gia đình. Biết bạn quan tâm đến công việc của mình, Khôi trả lời:

*I went to London on Saturday.*

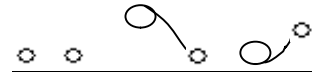


(Tôi đã đi Luân Đôn hôm thứ bảy).

24) MHNĐ này được sử dụng trong trường hợp nếu phần đầu (xuôi ngữ) và phần cuối/phần láy đuôi (ngược ngữ) cùng có hoặc không có phủ định từ "not" (không). PN như vậy với kiểu ngữ điệu xuống - lên không yêu cầu người tiếp thu PN phải bắt buộc trả lời, mặc dù được dùng tương tự như PN nghi vấn có không, ví dụ:

**Tình huống 24:** Khánh vừa đi học về đến nhà thì thấy mẹ đang ngồi ở bàn làm việc cầm bút viết cái gì đó. Khánh nhanh nhẩu đến bên mẹ, nói yêu:

*You are writing, are you?*



(Mẹ đang viết đấy?) (Hỏi thay cho lời chào, có thể trả lời hoặc không).

25) Ngữ điệu xuống - lên cũng thường được sử dụng trong PN trần thuật với nghĩa dự đoán, cảnh báo, ví dụ:

**Tình huống 25:** Dung mới mua một tấm vải màu phấn hồng để may áo. Dung đang nói với Lan về tấm vải đó thì Tâm đến. Biết Tâm là người không thích màu phấn hồng nên Dung chậm rãi nói ngay:

*You'll dislike it.*



(Bạn sẽ không thích cái đó đâu.) (ý dự đoán)

## 6. Kết luận

**6.1.** Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt là một vấn đề rất đáng được quan tâm trong giới nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ nói riêng.

**6.2.** Với 25 tình huống và chu cảnh nêu trên, chúng tôi cho rằng 25 cách dùng ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (thông qua 5 MHND), về cơ bản, không những đã mang lại giá trị thông báo và đáp ứng được nhu cầu giao tiếp trong cộng đồng người Việt nói tiếng Anh, mà còn có khả năng tiếp cận với 34 cách dùng ngữ điệu Anh Anh (thông qua 7 MHND), vốn được công nhận là chuẩn đối với cộng đồng người Anh nói tiếng Anh [13].

**6.3.** 25 tình huống giao tiếp được thiết kế để đo lường cách cảm nhận và thể hiện ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt. Để giải quyết tương đối hợp lí các tình huống trên, người tham gia phải có hiểu biết nhất định về vấn đề này, nếu không lại phải sử dụng phương tiện từ vựng hoặc ngữ pháp - là những nội dung không nằm trong mục tiêu nghiên cứu của chúng tôi.

**6.4.** Qua nghiên cứu lí thuyết, khảo sát sơ phạm và điều tra điền dã, chúng tôi thấy rằng người Việt khó cảm nhận cũng như không thể hiện được một cách tinh tế sự khác nhau giữa 2 ĐNNĐ đi lên, hoặc đi xuống mà cao độ bắt đầu từ thấp lên TB, hoặc từ cao xuống TB. Đối với người Việt, điểm bắt đầu của MHND thường từ A.T có trọng âm ở cao độ hơi

thấp (nếu thể hiện ngữ điệu lên), hoặc hơi cao (nếu thể hiện ngữ điệu xuống) so với giọng tự nhiên của mỗi người.

**6.5.** Vì lẽ đó, nên chẳng có thể đề xuất về sự tồn tại một loại ngữ điệu Anh Việt (ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt, hoặc ngữ điệu tiếng Anh dùng trong cộng đồng người Việt nói tiếng Anh) và coi đó như một biến thể của ngữ điệu Anh chuẩn (dùng trong cộng đồng người Anh nói tiếng Anh, hoặc ngữ điệu tiếng Anh ở người Anh).

**6.6.** Theo đó, trong lĩnh vực ngữ điệu, chúng quan niệm có 3 mức đánh giá: cao nhất là nói đúng *ngữ điệu Anh Anh* (chúng tôi gọi là *chuẩn lí tưởng*), mức thứ hai là đạt cách nói ngữ điệu của người Việt nói tiếng Anh (chúng tôi coi là đạt *chuẩn thực tế*, gọi là *ngữ điệu Anh Việt*) và lỗi, tức *phi chuẩn* (có sử dụng ngữ điệu trong giao tiếp nhưng người tiếp nhận thông tin không hiểu hoặc hiểu sai, gây ngưng trệ giao tiếp).

**6.7.** Cần có sự điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy trong nhà trường cho phù hợp hơn nữa giữa tỉ trọng kĩ năng ngôn ngữ và kiến thức ngôn ngữ sao cho có thể đáp ứng được mục tiêu đào tạo. Cần giảm tải tính hàn lâm, tăng cường tính thực hành, đảm bảo sự phù hợp giữa khẩu ngữ và bút ngữ. Có như vậy thì ngữ điệu tiếng Anh - đặc biệt trong cộng đồng người Việt nói tiếng Anh - mới trở nên có ý nghĩa và giá trị sử dụng cao.

### Ghi chú:

- Tròn to ( O ): AT có trọng âm.
- Tròn nhỏ ( o ): AT không có trọng âm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Antipova E.Ya., *English Intonation*, Leningrad, 1974.
2. Bolinger D.L., *Intonation and its Parts*, London: Edward Arnold, 1986.

3. Bolinger D.L., *Intonation and its Uses*, London: Edward Arnold, 1988.
4. Brazil D., Coulter M., and Johns C., *Discourse Intonation and Language Teaching*, Longman, 1980.
5. Brazil D., *The Communicative Value of Intonation in English*, Cambridge University Press (C.U.P.) 1997.
6. Cook V., *Using Intonation*, Longman, 1979.
7. Cruttenden A., *Intonation*, C.U.P., 1997.
8. Crystal D., *Prosodic Systems and Intonation in English*, C.U.P., 1969.
9. Halliday M.A.K., *A Course in Spoken English: Intonation*, Oxford University Press (O.U.P.), 1978.
10. Jenkins J., *The Phonology of English as an International Language: New Models, New Norms, New Goals*, O.U.P., 2000.
11. Nguyễn Huy Kỳ, *Essentials of Stress, Rhythm and Intonation*, chương 2, Tài liệu giảng dạy phân môn English Phonetics and Phonology dùng cho anh viên chuyên Anh Khoa Ngoại ngữ, Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, 2000.
12. Nguyễn Huy Kỳ, Trọng âm từ, xuất phát điểm của việc nghiên cứu nhịp điệu tiếng Anh, *Ngôn ngữ* số 13, 2002, trang 42 – 49.
13. Nguyễn Huy Kỳ, Ngữ điệu tiếng Anh và các chức năng, *Tạp chí Khoa học* số 4, trang 36- 48, ĐHQG Hà Nội, 2004.
14. Nguyễn Huy Kỳ, *Ngữ điệu tiếng Anh đối với người Việt nói tiếng Anh*, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, ĐHKHXH & NV, ĐHQG Hà Nội, 2005.
15. Liberman M., *The International System of English*, New York / London: Gazland, 1979.
16. O'Connor J.D., *Better English Pronunciation*, C.U.P., 1977.
17. O'Grady W., Dobrovolsky M., Katamba F., *Contemporary Linguistics: An Introduction*, Longman, 1996.
18. Roach P., *English Phonetics and Phonology: A Practical Course*, C.U.P., 1990.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XXII, n<sub>o</sub>1, 2006

## ENGLISH INTONATION FOR THE ENGLISH SPEAKING VIETNAMESE

**Dr. Nguyen Huy Ky**

*Department of Science Management and External Relations  
Hanoi Junior Teacher Training College*

Our article consists of 6 parts: Introduction to English intonation for the English speaking Vietnamese, some basic notions concerned, some major criteria for the selection of the English intonation patterns/ models by the Vietnamese, the concept and theoretical - practical approaches, the models of English intonation by the Vietnamese, and the conclusion.

Without the working criteria and investigation results mentioned in the article, it is totally hard for us to identify 5 English intonation models used by the Vietnamese in the authentic situations.

Something more important is that the author has designed 25 situations for 25 uses of English intonation by the Vietnamese to function more effectively.

For more details, the academic article is of great help to those who are interested in it.

